

Bản án số: 339/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2018
V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hảo

Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Huỳnh Thị Kim K

2/ Ông Trần Văn Ch

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Trần Thị Thúy - CBTA

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Biên Hòa: không tham gia phiên tòa.

Ngày 20/9/2018 tại trụ sở, Tòa án ND TP B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 787/2018/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 361/2018/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2018 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 619 ngày 07/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Võ Thị Huỳnh N**, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: khu phố T, phường T, Thị xã D, tỉnh B.

- Bị đơn: **ông Nguyễn Xuân T**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: khu phố 4, phường B, TP B, tỉnh Đồng Nai.

(bà N, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Võ Thị Huỳnh N trình bày:**

Về tình cảm: bà và ông T xây dựng gia đình vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP B. Quá trình sống hạnh phúc thời gian đầu, tuy nhiên năm 2016 về sau ngày càng không hạnh phúc do mâu thuẫn về tình cảm và tiền bạc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, dẫn đến xung đột, không tôn trọng nhau. Vì không muốn gia đình tan vỡ nên đã nhiều lần vợ chồng cùng ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Do vậy đời sống chung không hạnh phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và không thể tiếp tục chung sống. Đến nay mâu thuẫn trầm trọng kéo dài tới mức không thể giải quyết, mục đích hôn nhân không đạt, bà đã suy nghĩ kỹ để đi đến quyết định ly hôn với ông T.

- Về con chung: ông, bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Như Q, sinh ngày 25/11/2015. Bà đồng ý giao con cho ông T nuôi. Tạm thời bà không cấp dưỡng.

- Về Tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

*** Theo bản tự khai ông Nguyễn Xuân T trình bày:**

Về tình cảm: ông và bà N xây dựng gia đình vào năm 2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường B, TP Biên Hòa. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn về tiền bạc, hai vợ chồng ly thân từ tháng 03//2018 đến nay. Do vợ ông còn nhỏ tuổi nên phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc và sinh hoạt trong gia đình. Nay đề nghị Tòa án xem xét ông không đồng ý ly hôn do còn thương yêu vợ.

- Về con chung: ông, bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Như Q, sinh ngày 25/11/2015. Ông sẽ nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về Tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ông Nguyễn Như T cư trú tại phường B, TP B, tỉnh Đồng Nai, nên đơn xin ly hôn của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định mà vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Võ Thị Huỳnh N và ông Nguyễn Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND phường B, TP B, tỉnh Đồng Nai, cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N, ông T là có thật, hai bên đều xác định có mâu thuẫn và ly thân mỗi người một nơi từ tháng 03/2018 đến nay, bà N cương quyết ly hôn nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu bà N nhưng không có biện pháp để hàn gắn với bà N. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà N, ông T đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của bà N là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về con chung: ông, bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Võ Như Q, sinh ngày 25/11/2015. Hai bên thống nhất giao con cho ông T nuôi dưỡng và tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

- Về Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Bà N phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28; 203; 220; 227, 235; 266, 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- - Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Huỳnh N

Về quan hệ hôn nhân: Võ Thị Huỳnh N được ly hôn ông Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: giao cháu Nguyễn Võ Như Q, sinh ngày 25/11/2015 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung và nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: bà N phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 006528 ngày 24/3/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà N, ông T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (4);
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Đường sự (2).

Nguyễn Thị Phương Hảo